TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/04/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thụ.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Lộc.
Bà Lê Thị Nga.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện C tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 04 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 102 ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh, huyện C, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Võ Minh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 102 ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh, huyện C, Thành phố H. Sau khi kết hôn bà và ông H sống với nhau hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông H không chăm lo cuộc sống vợ con. Nay hạnh phúc hôn nhân không đạt được, bà xin ly hôn với ông H

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Huỳnh Minh Khang, sinh ngày 03/6/2004 và Võ Huỳnh Minh Tường, sinh ngày 25/9/2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Khang và cháu Tường, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi

con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ Minh H: Ông H vắng mặt tại phiên tòa và quá trình giải quyết cũng không có văn bản phản hồi về yêu cầu của bà L đối với việc ly hôn, về con chung và về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Ông H vắng mặt không lý do.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố H phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Kiều đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông Nho không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L vì có cơ sở; do ông H không có lời khai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Ngọc L có khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Võ Minh H. Ông H có nơi cư trú tại 102 ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh, huyện C, Thành phố H. Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Võ Minh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Võ Minh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh, huyện C, Thành phố H. Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2003, ngày 18/02/2003 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông H không chăm lo đời sống vợ con.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Từ đó cho thấy ông H đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, quan tâm chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc nhưng mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Võ Huỳnh Minh Khang, sinh ngày 03/6/2004 và Võ Huỳnh Minh Tường, sinh ngày 25/9/2012.

Xét thấy, hiện nay cháu Khang và cháu Tường đang sống cùng bà L, đồng thời các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, nếu giao cháu cháu Khang và cháu Tường cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi cuộc sống của các cháu, điều này sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến tinh thần của các cháu. Vậy nên Hội đồng xét xử giao cháu Khang và cháu Tường cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Do bà Huỳnh Thị Ngọc L là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 53, 54, 56, 57 và 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Võ Minh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2003, ngày 18/02/2003 của Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh, huyện C, Thành phố H không còn giá trị pháp lý).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Huỳnh Minh Khang, sinh ngày 03/6/2004 và Võ Huỳnh Minh Tường, sinh ngày 25/9/2012 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0045424 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà L đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nôi nhaän:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thụ